

TIẾT 89:

THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU (TT)

A/ MỤC TIÊU CẦN ĐẠT :

Giúp học sinh: Nắm được công dụng của trạng ngữ. Nắm được tác dụng của việc tách trạng ngữ thành câu riêng.

B/ NỘI DUNG BÀI HỌC:

I. Công dụng của TN:

Vd sgk/45

Tim trạng ngữ

a.

- **Thường thường, vào khoảng đó** trời đã hết nồm..

- **Sáng đây**, nằm dài nhìn ra cửa sổ..

-**Trên giàn thiên lí**, vài con ong siêng năng..

- **Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên bầu trời trong** có những làn sóng hồng hồng..

→ Bổ sung thời gian, nơi chốn

b. **Về mùa đông**..

→ Trạng ngữ bổ sung về thời gian, địa điểm, cung cấp thêm thông tin.

➔ + Giúp cho nội dung câu đầy đủ, chính xác.

+ Nối kết các câu các đoạn, tạo mạch lạc

→ Ghi nhớ : SGK/ 46

II. Tách TN thành câu riêng

VD: SGK/46

“Và để tin tư ởng hơn nữa vào tư ởng lai của n ó”.

→ Nhấn mạnh, thể hiện niềm tin vào tiếng nói của mình.

- Ghi nhớ SGK/ 47

III. Luyện tập: HS làm các bài tập SGK/tr47,48

(Hướng dẫn trả lời)

BT 1/ Nêu công dụng của trạng ngữ :

a. Ở loại bài thứ nhất ...Ở loại bài thứ hai..

b. Đã bao lần...Lần đầu tiên chập chững bước đi...Lần đầu tiên tập bơi ...Lần đầu tiên chơi bóng bàn...Lúc còn học phổ thông ...Về môn hóa..

=> Trạng ngữ bổ sung thông tin tình huống, vừa có tác dụng liên kết các luận cứ trong mạch lập luận của bài văn, giúp bài văn trở nên rõ ràng dễ hiểu .

BT 2/ Chỉ ra trường hợp trạng ngữ tách thành câu riêng biệ->Tác dụng.

a. Năm 72

->Nhấn mạnh thời điểm hi sinh của nhân vật.

b. Trong lúc tiếng đờn vẫn khắc khoải vẳng lên những chữ đờn li biệt, bồn chồn

->Làm nổi bật thông tin nòng cốt, nhấn mạnh sự tương đồng của thông tin mà trạng ngữ biểu thị so với thông tin ở nòng cốt câu

☉ Nếu không tách TN ra thành câu riêng, thông tin ở nòng cốt câu có thể bị thông tin ở TN lấn át (bởi ở vị trí cuối câu, TN có ưu thế nhấn mạnh về thông tin).

C/ BÀI TẬP:

Viết đoạn văn từ 8 đến 10 câu trình bày suy nghĩ của em về sự giàu đẹp của Tiếng Việt, có sử dụng trạng ngữ. Chỉ ra trạng ngữ và cho biết vì sao cần thêm trạng ngữ trong những trường hợp ấy.

Tiết 90:

KIỂM TRA TIẾNG VIỆT

A/ MỤC TIÊU CẦN ĐẠT: giúp hs

Củng cố các kiến thức đã học về phân môn Tiếng Việt.

B/ NỘI DUNG BÀI HỌC:

HS ôn lại các bài Tiếng Việt đã học ở HK2

-Rút gọn câu.

-Câu đặc biệt.

-Thêm trạng ngữ cho câu.

C/ BÀI TẬP:

Viết đoạn văn từ 8 đến 10 câu (đề tài tự chọn) có dùng câu rút gọn, câu đặc biệt và trạng ngữ.

Tiết 91

CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH

A/ MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp HS: Ôn lại những kiến thức cần thiết (về tạo lập văn bản, về văn bản lập luận chứng minh, ...) để việc học cách làm bài có cơ sở chắc chắn hơn.

Bước đầu nắm được cách thức cụ thể trong việc làm một bài văn lập luận chứng minh, những điều cần lưu ý và những lỗi cần tránh trong lúc làm bài.

B/ NỘI DUNG BÀI HỌC:

I. CÁC BƯỚC LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH:

Đề: Nhân dân ta thường nói “Có chí thì nên”. Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ đó.

1. Tìm hiểu đề và tìm ý:

+ Luận điểm: Có ý chí, nghị lực kiên trì nhẫn nại thì sẽ thành công trong mọi việc.

+ Phương pháp: Lập luận chứng minh.

+ Lập luận: Lí lẽ, dẫn chứng.

+ Phạm vi chứng minh: Trong đời sống, văn chương.

2. Lập dàn bài:

a/ Mở bài: Nêu vai trò quan trọng của lí tưởng, ý chí và nghị lực trong cuộc sống mà câu tục ngữ đã đúc kết. Đó là một chân lí.

→ Nêu luận điểm cần chứng minh.

b/ Thân bài:

* Lí lẽ: - Chí là điều rất cần thiết để con người vượt qua mọi trở ngại.

- Không có chí thì con người không thể làm được việc gì.

* Dẫn chứng:

+ Những người có chí đều thành công:

- Năm danh nhân (Đừng sợ vấp ngã)

- Ngày xưa: Mạc Đĩnh Chi, Cao Bá Quát.

- Ngày nay: Nguyễn Ngọc Kí, những gương mặt vượt khó học giỏi.

+ Chí còn giúp người ta vượt qua những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua được.

→ Nêu lí lẽ và dẫn chứng để chứng tỏ luận điểm là đúng.

c/ Kết bài: Mọi người nên tu dưỡng ý chí, bắt đầu từ những việc nhỏ, để khi ra đời làm được những việc lớn.

→ Nêu ý nghĩa của luận điểm được chứng minh và kêu gọi mọi người cùng làm.

3. Viết bài:

4. Đọc và sửa chữa:

II. LUYỆN TẬP:

BT SGK/51

→ Cả hai đều khuyên con người phải bền lòng không nản chí.

Tiết 92:

LUYỆN TẬP LẬP LUẬN CHỨNG MINH

A/ MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp HS: Củng cố những hiểu biết về cách làm bài văn lập luận chứng minh.

Vận dụng được những hiểu biết đó vào việc làm một bài văn chứng minh cho một nhận định, một ý kiến về một vấn đề xã hội gần gũi, quen thuộc.

B/ NỘI DUNG BÀI HỌC:

Đề: Chứng minh rằng nhân dân Việt Nam từ xưa đến nay luôn luôn sống theo đạo lí “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, “Uống nước nhớ nguồn”.

I. Tìm hiểu đề và tìm ý:

+ Vấn đề nghị luận: Lòng biết ơn đạo lí làm người của dân tộc Việt Nam.

+ Phương pháp lập luận: Lí lẽ và dẫn chứng.

+ Phạm vi chứng minh: Từ xưa đến nay, trong xã hội, gia đình, văn chương.

*** **Tìm ý:** Hưởng thành quả phải nhớ tới người tạo ra thành quả, con người phải biết nguồn cội.

II. Lập dàn ý:

1. Mở bài : Giới thiệu đạo lí làm người là lòng biết ơn: “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, “Uống nước nhớ nguồn”.

2. Thân bài:

a/ Nghĩa đen: Uống nước thì phải nhớ nguồn, ăn quả thì phải nhớ người trồng cây.

b/ Nghĩa rộng: Phải biết ơn những người đem lại cho mình cuộc sống tốt đẹp cả về vật chất và tinh thần ta phải đền đáp công ơn đó.

***Lí lẽ:

+ Từ xưa dân tộc Việt Nam luôn nhớ tới nguồn cội, luôn biết ơn những người cho mình hưởng thành quả, niềm hạnh phúc trong cuộc sống.

+ Đến nay hạnh phúc đó vẫn được những con người Việt Nam thời đại tiếp tục phát huy.

*** Dẫn chứng:

+ Từ xưa: Xây dựng các tượng đài của các vị anh hùng dân tộc: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Quang Trung

- Nhớ ngày giỗ tổ Hùng Vương.

+ Ngày nay: Tiếp tục truyền thống nhớ ơn.

- Kỉ niệm ngày thương binh liệt sĩ 27/2, ngày nhà giáo Việt Nam,...

+ Trong gia đình: Nhắc nhở con cháu biết ơn kính yêu ông bà cha mẹ, các ngày giỗ tưởng nhớ người đã mất.

+ Ngoài xã hội: Tôn sùng các vị anh hùng trong chiến đấu và lao động.

- Đặt tên các vị anh hùng cho tên đường.

- Truy tìm hài cốt liệt sĩ

- Thăm nuôi các Bà Mẹ Việt Nam anh hùng.

- Các lễ hội truyền thống.

+ Trong văn chương: Biết đền những người tạo nên tác phẩm cho ta học.

Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ tổ mừng mười tháng ba

Con người có cổ có tông

Như cây có cội như sông có nguồn.

(Ca dao)

3/ Kết bài: Khẳng định lại đạo lí làm người và lòng biết ơn. Nêu suy nghĩ của em về vấn đề này.

III. Viết bài:

C/BÀI TẬP: HS hoàn chỉnh bài văn theo đề bài trên sau đó đọc lại và sửa chữa.